TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 519/2017/HNST
Ngày: 21/4/2017.
V/v tranh chấp Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Thị Điệp.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Nhanh.

2. Bà Lê Vũ Thuý Hằng.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Trần Thị Hương.

Ngày 21 tháng 4 năm 2017 tại Trụ sở Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh - 26 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 521/2016/TLST-HNST ngày 12 tháng 12 năm 2016 về "tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 182/2017/QĐXX-ST ngày 17 tháng 3 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên toà số 253/2017/QĐST ngày 30/3/2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Hồng Vỹ A, sinh năm 1969; địa chỉ: phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Bị đơn: Ông Nguyen D V, sinh năm 1969; địa chỉ: New Orleans, Louisiana 70129, Hoa Kỳ (vắng mặt).

Có bà Bùi Bích P - Đại diện theo uỷ quyền - trong phạm vi được nhận các thông báo, quyết định, bản án liên quan đến việc giải quyết vụ án (văn bản uỷ quyền ngày 07/10/2016 đã được hợp pháp hoá lãnh sự).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 14/11/2016 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn bà Hồng Vỹ A trình bày:

Bà và ông Nguyen D V tự nguyện đăng ký kết hôn số 1280 quyển 07 ngày 13/5/2013 tại Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi kết hôn, hai tháng sau, ông Nguyen D V trở về nước và không quay trở lại. Bà xác định tình cảm không còn, xin được ly hôn.

Về con chung: không có.

Về tài sản và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bà A vẫn giữ yêu cầu được ly hôn. Ông Nguyen D V vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

1. Xét về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Bà Hồng Vỹ A ký đơn yêu cầu được ly hôn. Khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân gia đình năm 2015 quy định: "Vợ chồng hoặc cả hai người có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn". Ông Nguyen D V có quốc tịch Hoa Kỳ và đang cư trú ở nước ngoài. Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

2. Xét yêu cầu của nguyên đơn: bà Hồng Vỹ A và ông Nguyen D V có đăng ký kết hôn. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Mâu thuẫn vợ chồng do cuộc sống chung không hạnh phúc, sau khi kết hôn vợ chồng đã không chung sống do ông Nguyen D V đã trở lại Hoa Kỳ và không liên lạc. Bà A xác định tình cảm không còn, xin được ly hôn.

Theo văn bản uỷ quyền ngày 07/10/2016, chữ ký của ông Nguyen D V đã được công chứng và hợp pháp hoá lãnh sự. Nội dung ủy quyền ông đã uỷ quyền cho bà Bùi Bích Phương được thay mặt ông nhận các văn bản tố tụng của Toà án.

Các văn bản về việc thụ lý vụ án, về thời gian mở phiên họp hoà giải đã được tống đạt hợp lệ nhưng ông Nguyen D V không có văn bản nào khác với ý kiến tại văn bản mà bà A đã cung cấp ngày 07/10/2016.

Toà án đã có Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 182/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 17/3/2017, thông báo thời gian mở phiên toà là ngày 30/3/2016. Quyết định đưa vụ án ra xét xử này đã được tống đạt hợp lệ nhưng ông Nguyen D V vắng mặt không có lý do. Hội đồngg xét xử đã hoãn phiên toà lần thứ 1 theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 477 và ấn định thời hạn mở phiên toà lần thứ hai là ngày 21/4/2016. Hôm nay, ông Nguyen D V tiếp tục vắng mặt. Căn cứ điểm c khoản 5 Điều 477 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Xét thấy, bà Hồng Vỹ A đã cung cấp chứng cứ là các văn bản ghi ý kiến của ông Nguyen D V xác định mâu thuẫn vợ chồng không có khả năng hàn gắn, ông đồng ý ly hôn; ông xác định không có con chung và không yêu cầu giải quyết về nợ chung, tài sản chung. Các văn bản này đã được hợp pháp hoá lãnh sự nên là chứng cứ có giá trị hợp pháp được công nhận theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 478 Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông đã không có văn bản nêu ý kiến khác và cũng không đến Toà để giải quyết vụ

án, đưa ra giải pháp để vợ chồng đoàn tụ. Đây là cơ sở để xác định cuộc sống chung giữa bà Hồng Vỹ A và ông Nguyen D V không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt. Căn cứ khoản 1 Điều 122, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2015 chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà A.

Về con chung: không có.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Căn cứ Điều 48 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016. Căn cứ khoản 1, Mục I Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án; khoản 08 Điều 27 Pháp lệnh về án phí, lệ phí có hiệu lực, bà A phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn.

Căn cứ những nhận định trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56, khoản 1 Điều 122 Luật Hôn nhân gia đình năm 2015.

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự có hiệu lực thi hành ngày 01/7/2016;

Căn cứ Điều 48 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Căn cứ khoản 1, Mục I Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án; khoản 8 Điều 27 Pháp lệnh về án phí, lệ phí có hiệu lực ngày 01/7/2009.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Hồng Vỹ A.

a) Về quan hệ hôn nhân: bà Hồng Vỹ A được ly hôn với ông Nguyen D V.

b) Về con chung: không có.

c) Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa giải quyết.

2. Về án phí Dân sự sơ thẩm: bà Hồng Vỹ A phải chịu 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) nhưng được trừ vào số tiền bà A đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số AA/2016/0031636 ngày 02/12/2016 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Hồng Vỹ A đã nộp đủ án phí.

3. Các quyền và nghĩa vụ về việc thi hành án được tiến hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Bà Hồng Vỹ A được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyen D V được quyền kháng cáo trong hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TC;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- UBND TP.HCM (để ghi sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VT (T/15).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Châu Thị Điệp